TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HSST
Ngày 31-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Cường
2. Ông Phạm Minh Hội

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS, ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Lê Minh T**, sinh ngày 27/01/1988; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT: Ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; họ tên Cha: Nguyễn Văn Th, sinh năm:1966 (còn sống); họ tên Mẹ: NLQ4, sinh năm: 1965 (còn sống); Anh, chị, em ruột: 02 người, lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990; họ tên vợ: Nguyễn Thị Kim N - Sinh năm: 1994; con: Nguyễn Minh Th, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố và đang được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05/LCĐKNCT ngày 09/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Trần Thị Tuyết X, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 05, Ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông NLQ1, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- NLQ2. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Đại diện NLQ2: Ông Huỳnh Công S, sinh năm 1954.
Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.
- Ông NLQ3, sinh năm 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 03, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Bà NLQ4, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04/5/2019, T đến văn phòng Huyện đoàn G để làm việc khi đi ngang qua văn phòng NLQ2 thì được chị Trần Thị Tuyết X gọi vào để phát tiền trực lễ 30/4; 1/5 với số tiền là 200.000 đồng. Nhận tiền xong T vẫn ngồi lại nói chuyện với chị X và chị X có nói với T dự định sẽ bàn giao lại số tiền quỹ của Ban chỉ huy quân sự tự vệ Huyện ủy cho T quản lý, thu, chi khi chị X xin nghỉ hộ sản. T liền hỏi chị X đã thu được bao nhiêu tiền thì chị X trả lời là trên 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). T để ý thấy chị X bỏ tiền trong tủ bàn làm việc và nhìn thấy cửa sổ của NLQ2 không khóa nên khi về cơ quan T đã nảy sinh ý định đột nhập và trộm cắp số tiền chị X được giao quản lý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu tại xã V về nhà, T chuẩn bị cây búa đóng đinh có đầu dẹp và lấy xe đạp chạy hướng từ nhà đến cổng sau Huyện ủy G. T quan sát thấy không có bảo vệ nên đã leo qua hàng rào đi vào mở cửa phía sau hành lang Huyện ủy và đi đến phòng làm việc của NLQ2. T quan sát thấy không có ai nên đã mở cửa sổ đột nhập vào (do cửa không cài chốt) đi đến tủ bàn làm việc của chị X dùng búa cạy phá ngăn tủ. Sau khi cạy tủ xong T dùng tay lục soát thì phát hiện một bao thư có một xấp tiền nên bỏ vào túi quần rồi mở của sổ để tẩu thoát, khi đến nhà T đếm được tổng cộng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Đến ngày 07/5/2019 T đến Công an huyện G để tự thú và giao nộp số tiền trộm cắp trên. Ngày 09/5/2019 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong quá trình điều tra vụ án T đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền trộm cắp; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- **Vật chứng thu được trong vụ án:**

- 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền Việt Nam. Hiện đã trả lại cho chị Trần Thị Tuyết X

- 01 chiếc xe đạp Trung Quốc; màu sơn bạc; khung sắt; bánh căm bằng inox; phía trước xe có rổ màu trắng bằng inox, xe cũ đã qua sử dụng đã trao trả cho chủ sở hữu là bà NLQ4.

- 01 cây búa bằng kim loại màu đen kích thước dài 27,5cm; đầu búa 02cm x 10,4cm; cán búa bằng cây dài 25,5cm trên cán có chữ habero búa cũ đã qua sử dụng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Nguyễn Lê Minh T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại chị Trần Thị Tuyết X số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và Chị X cũng không có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ2, ông NLQ1, ông NLQ3, bà NLQ4 đều không có yêu cầu HĐXX xem xét phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-KT ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Lê Minh T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Lê Minh T từ 01 (một) đến 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) đến 04 (bốn) năm.

- Các biện pháp tư pháp:

+ Đối với vật chứng là số tiền trộm cắp 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) hiện đã trao trả cho chị X, vật chứng là chiếc chiếc xe đạp Trung Quốc; màu sơn bạc; khung sắt; bánh căm bằng inox; phía trước xe có rổ màu trắng bằng inox đã trao trả cho bà Chung nên đề nghị không xem xét.

+ Đối với vật chứng là 01 cây búa bằng kim loại màu đen kích thước dài 27,5cm; đầu búa 02cm x 10,4cm; cán búa bằng cây dài 25,5cm trên cán có chữ habero búa cũ đã qua sử dụng. Đây là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Người Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp.

Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên thu thập và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đối với việc vắng mặt của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX thấy rằng những người này đã có lời khai làm rõ các tình tiết trong hồ sơ vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Lê Minh T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể các bị cáo khai nhận: Vì muốn có tiền để tiêu xài nên vào khoảng 22 giờ ngày 04/5/2019 tại phòng làm việc của NLQ2 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp trót lọt số tiền 30.000.000 đồng của chị Trần Thị Tuyết X được giao quản lý (đây là tiền quỹ của Ban chỉ huy quân sự tự vệ Huyện ủy). Sau khi trộm xong bị cáo biết mình đã có hành vi vi phạm pháp luật nên ngày 07/5/2019 nên đã đến Công an huyện G để tự thú và nộp lại số tiền trộm được. Đến ngày 09/5/2019 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Lê Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

……

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo trực tiếp không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quyền quản lý tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nhất là trong khu vực trung tâm hành chính huyện. Do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt

tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo:

+ Đối với tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Đối với tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*; bị cáo đã *"tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả"* cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*. Khi cơ quan điều tra đang tiến hành điều tra và chưa xác định được người phạm tội là ai thì bị cáo đã tự giác đến Công an huyện G trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đây được xem là tình tiết *"người phạm tội tự thú"* được quy định tại điểm r khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự . Như vậy, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra trong quá trình điều tra, truy tố người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo (đơn bãi nại); trong quá trình công tác bị cáo có nhiều đóng góp cho phong trào thanh niên và hoạt động xã hội tại địa phương nên được Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp thanh Việt Nam tặng bằng khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, trước nay chưa có tiền án, tiền sự. HĐXX cũng nhận định việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nông nổi nhất thời chứ không phải trộm cắp chuyên nghiệp.

[5] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, vừa đủ nghiêm để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng tại Ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang; từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; bị cáo là lao động chính trong gia đình và hiện đang nuôi con nhỏ; bị cáo có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX thấy có căn cứ để cho bị cáo T được hưởng án treo đồng thời giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục. Vì vậy, HĐXX thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 đến 04 năm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các biện pháp tư pháp:

- Số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đã được trao trả lại cho bị hại Trần Thị Tuyết X theo biên bản ngày 8/5/2019 nên HĐXX không xét lại.

- 01 chiếc xe đạp Trung Quốc; màu sơn bạc; khung sắt; bánh căm bằng inox; phía trước xe có rổ màu trắng bằng inox, xe cũ đã qua sử dụng đã trao trả cho chủ sở hữu là bà NLQ4 nên HĐXX không xét lại.

- 01 cây búa bằng kim loại màu đen kích thước dài 27,5cm; đầu búa 02cm x 10,4cm; cán búa bằng cây dài 25,5cm trên cán có chữ habero búa cũ đã qua sử dụng (vật chứng này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G). Đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8]Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do bị cáo bị tuyên là có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Áp dụng Điều 46; Điều 47; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Minh T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2019).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46; Điều 47; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây búa bằng kim loại màu đen kích thước dài 27,5cm; đầu búa 02cm x 10,4cm; cán búa bằng cây dài 25,5cm trên cán có chữ

habero búa cũ đã qua sử dụng (vật chứng này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

Đối với các vật chứng gồm số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và 01 chiếc xe đạp Trung Quốc; màu sơn bạc; khung sắt; bánh căm bằng inox đã được trao trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử miễn xét

[5] Án phí hình sự sơthẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Lê Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2019). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện G;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hồng Phong